

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/02/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Long và bà Nguyễn Thị Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị B, sinh năm 1989; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn 3, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Xuân Q, sinh năm 1986; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn 3, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Trần Xuân K, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Trần Xuân Q tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam vào ngày 10/9/2013, việc kết hôn là hoàn toàn tự

nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không như ban đầu. Chị và anh Q đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn và hai bên gia đình cũng động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 3/2019 vợ chồng chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay đã gần 05 năm. Trong thời gian đó chị B đã nhiều lần liên hệ nói chuyện với anh Q về việc chị đã làm đơn ly hôn nhưng anh Q từ chối không về Tòa án giải quyết. Việc anh Q không hợp tác là gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q để chị sớm ổn định cuộc sống.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến ngày 05/02/2024 Tòa án nhân dân huyện Bình Lục ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn anh Trần Xuân Q không chấp hành giấy triệu tập của Tòa, không tham gia tố tụng nên Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Trần Văn K là bố đẻ anh Q, tại các buổi làm việc với Tòa án, ông K đều trình bày: Sau khi nhận Thông báo thụ lý của Tòa án thì ông đã thông báo toàn bộ nội dung văn bản cho anh Q biết nhưng anh Q nói chị B muốn ly hôn thì chị B tự giải quyết với Tòa án còn anh không đến Tòa án để giải quyết.

Tuy nhiên ngày 16/02/2024, anh Q đã trực tiếp đến Tòa án và viết Văn bản trình bày ý kiến. Tại Văn bản này, anh Q trình bày: Anh và chị Trần Thị B kết hôn ngày 10/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị B đề nghị ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Chị B, anh Q đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Xuân Đ, sinh ngày 22/4/2015. Hiện cháu Đ đang ở với chị B; cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn anh chị đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho chị B nuôi dưỡng; anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho chị B số tiền 2.000.000đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Ngoài ra anh Q còn đề nghị đến thời điểm nào đó anh ổn định cuộc sống anh sẽ đón con về nuôi hoặc khi chị B đi lấy chồng thì chị B phải giao con cho anh nuôi. Về vấn đề này tại phiên tòa, chị B có quan điểm là khi đó sẽ theo nguyện vọng của con.

Chị B, anh Q đều xác định anh chị không có con nuôi, con riêng gì. Hiện tại chị B không có thai sản gì.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2024 đối với cháu Trần Xuân Đ thì cháu Đ có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị B, anh Q đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục có quan điểm: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Q chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B với anh Q. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh Q.

2. Về con chung: Giao chị B nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Xuân Đ. Anh Q cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi,

3. Án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị B xin ly hôn anh Trần Xuân Q, đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Q có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 3, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Xuân Q và người đại diện theo ủy quyền của chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Trần Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/9/2013 (Số 56/2013, Quyển số 01/2013), nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là từ tháng 3/2019, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay đã gần 05 năm. Nay chị B đề nghị ly hôn, anh Q hoàn toàn nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị B, anh Q xảy ra đã lâu, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 3/2019 đến nay đã gần 05 năm, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Xét khả năng vợ chồng chị B, anh Q đoàn tụ là không còn; chị B xin ly hôn với anh Q và anh Q đồng ý ly hôn. Do vậy chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B và anh Q đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Xuân Đ, sinh ngày 22/4/2015. Ly hôn, chị B và anh Q đều có quan điểm đề nghị tiếp tục giao cháu Đ cho chị B nuôi dưỡng và anh Q có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng cho chị B là 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện cháu Đ đang ở ổn định với chị B; cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường; nguyện vọng của cháu Đ cũng mong muốn được ở với chị B. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh, chị giao cháu Trần Xuân Đ, sinh ngày 22/4/2015 cho chị B nuôi dưỡng; anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho chị B mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Đối với đề nghị của anh Q là đến thời điểm nào đó anh ổn định cuộc sống anh sẽ đón con về hoặc khi chị B đi lấy chồng thì chị B phải giao con cho anh nuôi. Còn chị B có quan điểm là khi đó sẽ theo nguyện vọng của con. Về quan điểm, đề nghị trên của anh chị sẽ được xem xét giải quyết khi anh chị có yêu cầu về vụ việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị B và anh Q đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị B, anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật
- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Trần Xuân Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Xuân Đ, sinh ngày 22/4/2015 cho chị Trần Thị B tiếp tục được quyền nuôi dưỡng. Anh Trần Xuân Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho chị B mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Chị B cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu Trần Xuân Đ.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000604 ngày 13/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam (chị B đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho chị Trần Thị B số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Trần Xuân Q phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Xuân Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Trần Xuân Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng